

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 8 (Thành phố)

Phần F.I - Nghiên cứu thực tế

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Đoàn Thị Vân Anh	9,00	Chín	41	Nông Thị Huyền My	9,00	Chín
2	Hoàng Thị Chao	8,50	Tám phẩy năm	42	Nguyễn Thị Huyền My	9,00	Chín
3	Lôi Thị Chao	8,75	Tám phẩy bảy năm	43	Lý Thị Mùi	8,75	Tám phẩy bảy năm
4	Trần Huệ Chi	8,75	Tám phẩy bảy năm	44	Lục Thị Bích Ngọc	9,00	Chín
5	Đàm Quang Chiến	8,75	Tám phẩy bảy năm	45	Nông Thị Ngâm	9,00	Chín
6	Hoàng Ngọc Diệp	8,75	Tám phẩy bảy năm	46	Dương Thị Nghiệp	9,00	Chín
7	Đàm Đức Dũng		Thôi học	47	Nguyễn Thị Nhã	9,00	Chín
8	Phạm Ngọc Diệp	9,00	Chín	48	Nguyễn Tuyết Nhung	9,00	Chín
9	Nguyễn Minh Đoàn	8,75	Tám phẩy bảy năm	49	Ma Thị Oanh	9,00	Chín
10	Lã Thị Giang	9,00	Chín	50	Lý Thị Phúc	9,00	Chín
11	Đinh Văn Giáp	8,50	Tám phẩy năm	51	Ngô Thị Phượng	9,00	Chín
12	Nông Thị Ngân Hà	8,75	Tám phẩy bảy năm	52	Hoàng Hải Quý	9,00	Chín
13	Hoàng Thị Thanh Hà	8,75	Tám phẩy bảy năm	53	Phùng Thị Quỳnh	8,75	Tám phẩy bảy năm
14	Nông Thị Thúy Hằng	8,75	Tám phẩy bảy năm	54	Nông Công Sỹ	8,75	Tám phẩy bảy năm
15	Nông Thị Hằng	8,50	Tám phẩy năm	55	Phạm Thị Tài	9,00	Chín
16	Vũ Thị Hằng	8,75	Tám phẩy bảy năm	56	Chu Văn Tình	8,75	Tám phẩy bảy năm
17	Đỗ Thị Hằng	9,00	Chín	57	Lục Toàn Thắng	8,50	Tám phẩy năm
18	Lâm Thị Hiền	9,00	Chín	58	Nông Quốc Thắng	9,00	Chín
19	Hoàng Thị Thu Hiền	9,00	Chín	59	Nguyễn Thị Thuận	9,00	Chín
20	Lục Minh Hiền	8,75	Tám phẩy bảy năm	60	Lục Xuân Trường	9,00	Chín
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	8,75	Tám phẩy bảy năm	61	Phạm Thị Minh Thoa	8,75	Tám phẩy bảy năm
22	Hoàng Thị Hoan	9,00	Chín	62	Mã Thị Thu	8,50	Tám phẩy năm
23	Nông Thị Hồng	8,50	Tám phẩy năm	63	La Thị Minh Thứ	8,75	Tám phẩy bảy năm
24	Vũ Thị Hồng	8,75	Tám phẩy bảy năm	64	Lại Thị Minh Thúy	9,00	Chín
25	Đổng Thanh Huệ	9,00	Chín	65	Nông Bích Thủy	8,75	Tám phẩy bảy năm
26	Ngân Thị Hương	8,75	Tám phẩy bảy năm	66	Bé Thị Thanh Thủy	9,00	Chín

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
27	Vũ Thị Lan Hương	8,75	Tám phẩy bảy năm	67	Lăng Thị Thủy	8,75	Tám phẩy bảy năm
28	Phạm Thị Lan Hương	8,50	Tám phẩy năm	68	Nguyễn Thị Thu Trang	8,75	Tám phẩy bảy năm
29	Nông Thu Hương	8,75	Tám phẩy bảy năm	69	Phan Thị Thu Trang	9,00	Chín
30	Lý Ánh Hường	8,50	Tám phẩy năm	70	Lương Quang Tuấn	8,50	Tám phẩy năm
31	Lục Đức Khánh		Thôi học	71	Nguyễn Thị Tuyền	8,75	Tám phẩy bảy năm
32	Lục Thị Kiều	8,75	Tám phẩy bảy năm	72	Nông Thị Tuyết	9,00	Chín
33	Lục Thị Phương Lan	9,00	Chín	73	Bế Xuân Vinh	9,00	Chín
34	Nông Thị Diệu Linh	9,00	Chín	74	Hoàng Trường Vương	9,00	Chín
35	Phan Khánh Linh	9,00	Chín	75	Hoàng Thị Kiều Xuân	8,75	Tám phẩy bảy năm
36	Phan Thị Liên	9,00	Chín	76	Nguyễn Hải Yến	9,00	Chín
37	Hoàng Thị Liên	8,75	Tám phẩy bảy năm	77	Đàm Thị Yến	9,00	Chín
38	Nông Thị Thúy Lưu	9,00	Chín	78	Trần Thị Bạch Yến	8,75	Tám phẩy bảy năm
39	Đinh Thị Lụa	9,00	Chín	79	Lương Thị Hải Yến	8,75	Tám phẩy bảy năm
40	Hà Vũ Mạnh	8,75	Tám phẩy bảy năm	80	Triệu Kim Ngân (K03)	8,50	Tám phẩy năm

Điểm 8,50: 10 điểm; Điểm 8,75: 31 điểm; Điểm 9,00: 37 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG



Triệu Văn Lượng



Đoàn Thị Vân Thúy



Trịnh Thị Ánh Hoa